

Số: 1312/QĐ-BNN-QLCL

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

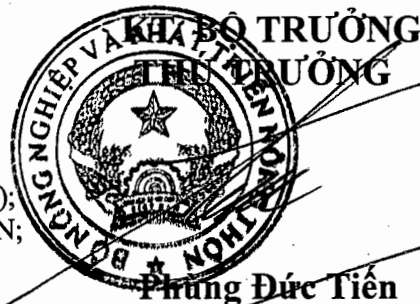
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (bản PDF);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Báo Nông nghiệp VN;
- Trung tâm tin học và thống kê;
- Lưu: VT, QLCL. 257



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1312/QĐ-BNN-QLCL ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế | Lĩnh vực | Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính |
|---|---------------|--|--|--|--------------------------------------|--|
| A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương | | | | | | |
| 1 | BNN-287997 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương; | Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản | Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT |
| 2 | BNN-287998 | Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản | Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương; | Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản | Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT. |

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | VBQPPL quy định việc bãi bỏ | Lĩnh vực | Cơ quan giải quyết TTHC |
|--|-----------------|---|--|-----------|--|
| B Thủ tục hành chính cấp địa phương | | | | | |
| 1 | B-BNN-287857-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương; | Chăn nuôi | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2 | B-BNN-287858-TT | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương; | Chăn nuôi | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |



Phần II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

I. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trình tự thực hiện

+ Thương nhân gửi 1 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng) đến Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp CFS thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Thời hạn cấp CFS không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Trường hợp không cấp CFS, cơ quan cấp CFS có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Cơ quan cấp CFS có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định đối với CFS đã cấp trước đó.

- Cách thức thực hiện

Thương nhân gửi 1 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp CFS nêu rõ tên hàng, mã HS của hàng hóa, số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc số đăng ký, số hiệu tiêu chuẩn (nếu có), thành phần hàm lượng hợp chất (nếu có), nước nhập khẩu hàng hóa: 1 bản chính, thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

+ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.

+ Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có), bao gồm tên, địa chỉ của cơ sở, các mặt hàng sản xuất để xuất khẩu: 1 bản chính.

+ Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa kèm theo cách thể hiện (trên nhãn hàng hóa hoặc trên bao bì hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa): 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.

 3

- **Thời hạn giải quyết:** 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký cấp CFS đúng quy định.
- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Thương nhân.
- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS).
- **Phí, lệ phí:** Không.
- **Mẫu đơn, tờ khai:** Không.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:** Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương (Điều 11).

II. Tên thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trình tự thực hiện:

+ Thương nhân gửi văn bản đề nghị và các giấy tờ liên quan đến Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp CFS xem xét điều chỉnh, cấp lại CFS cho thương nhân.

- Cách thức thực hiện:

Thương nhân gửi 1 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung/ cấp lại CFS của thương nhân: 01 bản chính.

+ Các giấy tờ liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung/ cấp lại CFS.

- Thời hạn giải quyết: 3 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS).

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Mẫu đơn, tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

- Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương (Điều 11).